TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 2 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 329/2018/QĐHNGĐ-ST	*Quận 2, ngày 28 tháng 9 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ việc dân sự thụ lý số 414/2018/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2018, giữa:

Bà Nguyễn Thị Tuyết N.

Địa chỉ: Số 60, Khu phố 2, Đường số 5, phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Trần Thanh M.

Địa chỉ: Số 23, Tổ 3, Khu phố 1, Đường số C, phường D, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213; Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự ngày 20 tháng 9 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự ngày 20 tháng 9 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Trần Thanh N và bà Nguyễn Thị Tuyết M (Giấy chứng nhận kết hôn số 54 do Ủy ban nhân dân phường D, Quận B cấp ngày 29/5/2006).

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về con chung: Ông Trần Thanh N và bà Nguyễn Thị Tuyết M cùng xác nhận có 03 con chung là Trần Hoàng X, sinh ngày 26/10/2010, Trần Hoàng S, sinh ngày 14/3/2007 và Trần Hoàng Z, sinh ngày 10/2/2015. Sau khi ly hôn, hai bên thống nhất giao 03 con chung cho ông N trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giao dục. Ghi nhận sự tự nguyện của ông N không yêu cầu bà M cấp dưỡng nuôi con chung.

Các bên được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung.

Vì quyền lợi của con chung khi cần thiết hai bên đều có thể xin thay đổi việc nuôi dưỡng hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

2.2 Về tài sản chung: Ông Trần Thanh N và bà Nguyễn Thị Tuyết M xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3 Về lệ phí hôn nhân sơ thẩm:

Lệ phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, bà Nguyễn Thị Tuyết M tự nguyện chịu toàn bộ, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí bà M đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số AA/2017/0015485 do Chi cục thi hành án dân sự Quận 2 lập ngày 20 tháng 8 năm 2018.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND Quận 2;
- Chi cục THADS Quận 2;
- TAND TPHCM;
- Ủy ban nhân dân phường D, Quận B;
- Các đương sự;
- Lưu.

THẨM PHÁN

Hoàng Thị Thu